

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2010/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc nhóm nghề Dịch vụ vận tải

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Điều khiển phương tiện thủy nội địa; Lái tàu đường sắt; Bảo đảm an toàn hàng hải;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng:

Thông tư này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Điều khiển phương tiện thủy nội địa” (Phụ lục 1);
2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Lái tàu đường sắt” (Phụ lục 2);
3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Bảo đảm an toàn hàng hải” (Phụ lục 3).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề:

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký;
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đàm Hữu Đắc

Phụ lục 1**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
“ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 1A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Điều khiển phương tiện thủy nội địa

Mã nghề: 40840101

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định
của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về kết cấu phương tiện thủy, bố trí các trang thiết bị trên tàu và công dụng của chúng;

+ Nắm vững nguyên lý điều khiển tàu thủy;

+ Biết nguyên lý hoạt động của máy tàu và hệ thống điện tàu thủy, có thể vận hành máy khi cần thiết;

+ Biết cách phán đoán, dự báo về thời tiết có ảnh hưởng đến hành trình của phương tiện thông qua các thông tin, các hiện tượng tự nhiên hoặc qua các thiết bị chuyên ngành;

+ Nhận biết các loại phương tiện thủy nội địa;

+ Biết phương pháp đóng phương tiện, phân loại nguyên vật liệu sử dụng;

+ Nắm vững Luật Giao thông đường thủy nội địa để xử lý đúng các tình huống trong quá trình điều khiển tàu;

+ Nắm được phương pháp lắp ghép các đội hình phương tiện vận tải;

+ Nắm vững độ sâu mực nước, chiều cao của các cấu trúc thượng tầng để tính toán an toàn;

+ Biết xác định vị trí và kiểm soát tuyến đi bằng kiến thức địa dư đã học; nắm vững đặc điểm của các tuyến luồng, bến cảng chính để điều khiển tàu an toàn;

+ Nắm vững những quy định về vận chuyển hàng hóa và hành khách, nhận biết các loại hàng hóa biết các đặc tính của chúng; biết các phương pháp, thủ tục giao nhận hàng hóa; bảo đảm an toàn cho hàng hóa và hành khách trong quá trình vận chuyển;

+ Có các kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học để có thể tự học tập nâng cao trình độ, qua đó tiếp thu được các kiến thức về khoa học, công nghệ mới qua tài liệu sách báo và các thông tin trên internet, có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh phục vụ cho chuyên ngành.

- Kỹ năng:

Làm được các công việc của thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhì, cụ thể:

+ Thành thạo việc chèo xuống, làm dây, bảo dưỡng tàu;

+ Sử dụng được các trang, thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu đắm và biết phương pháp cứu người ngã xuống nước;

+ Thành thạo và hướng dẫn cho thủy thủ các nút dây, đầu cáp, đầu dây, lắp ráp và sử dụng các loại ròng rọc, puly, tời;

+ Thực hiện công việc vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng phương tiện và các trang thiết bị về dây, cáp, tời, hệ thống truyền động;

+ Đo dò luồng lạch;

+ Đo mớn nước phương tiện;

+ Chỉ huy mọi người trên phương tiện để xử lý khi phương tiện có tình huống khẩn cấp, nguy cơ mất an toàn hoặc bị tai nạn;

+ Chủ động thực hiện các công việc chuẩn bị cho một chuyến hành trình của phương tiện;

+ Điều động tàu an toàn khi ra vào bến, neo đậu và hành trình trong mọi tình huống;

- + Sử dụng được các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tài, công tác tìm kiếm cứu nạn;
- + Thực hiện các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường đường thủy nội địa;
- + Thực hiện đầy đủ các công việc liên quan hợp đồng vận tải;
- + Lập được các kế hoạch về kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị trên boong, hệ thống lái, các thiết bị cấp cứu; vệ sinh và bảo dưỡng võ phương tiện;
- + Lập kế hoạch và tổ chức một chuyến đi an toàn hiệu quả cho loại phương tiện được điều khiển theo quy định.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;

+ Có tư tưởng chính trị vững vàng, lập trường kiên định, có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc, hiểu biết và trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nắm vững vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam;

+ Hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân, nghiêm chỉnh chấp hành Pháp luật của Nhà nước, có ý thức phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh;

+ Có tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân cao, có khả năng phối hợp công việc, có lòng say mê nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có ý chí cao, có tính tập thể và tinh thần vượt khó.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Biết bơi và làm việc được trong điều kiện sóng gió, thường xuyên luyện tập để có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong ngành;

+ Nắm được những kiến thức và thao tác cơ bản về điều lệnh và các loại vũ khí thông thường; có tinh thần cảnh giác và sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm:

Khi tốt nghiệp ra trường làm việc ở các vị trí sau:

- Thủ thủ trên các phương tiện thủy nội địa;

- Người lái phương tiện trên các phương tiện thủy nội địa;
- Thuyền phó hoặc Thuyền trưởng ở các phương tiện: chở khách đến 100 người, chở hàng đến 500 tấn; đoàn lái đến 1000 tấn; tàu công tác đến 400 mã lực.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 02 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2630 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2420 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1785 giờ; Thời gian học tự chọn: 635 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 727 giờ; Thời gian học thực hành: 1693 giờ.

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân phối thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo cho học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1785	498	1166	121
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	165	109	45	11
MH 07	Điện tàu thủy	45	27	15	3
MH 08	Cấu trúc tàu	60	41	15	4
MH 09	Luồng chạy tàu	60	41	15	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1620	389	1121	110
MH 10	Khí tượng, thủy văn	45	27	15	3
MH 11	Luật Giao thông đường thủy nội địa 1	45	37	5	3
MH 12	Luật Giao thông đường thủy nội địa 2	45	37	5	3
MH 13	Vận tải đường thủy nội địa 1	30	18	10	2
MH 14	Trực ca	30	18	10	2
MH 15	Môi trường đường thủy	40	28	10	2
MH 16	Nguyên lý điều khiển tàu thủy	30	27	1	2
MĐ 17	An toàn cơ bản	120	40	72	8
MĐ 18	Sơ cứu	40	10	28	2
MĐ 19	Kỹ thuật bơi lặn	80	10	66	4
MĐ 20	Thủy nghiệp 1 (làm dây)	160	40	108	12
MĐ 21	Thiết bị trên boong	80	20	54	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 22	Điều động tàu 1	240	30	194	16
MĐ 23	Điều động tàu 2	285	17	249	19
MĐ 24	Thiết bị hàng hải 1	110	30	72	8
MĐ 25	Thực tập I	240	0	222	18
	Tổng cộng	1995	604	1253	138

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Vận tải đường thủy nội địa 2	60	33	23	4
MH 27	Vô tuyến điện	30	18	10	2
MH 28	Tự động hóa điều khiển	30	18	10	2
MH 29	Thủy triều	30	18	10	2
MH 30	Máy tàu thủy	45	20	22	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 31	Bảo hiểm hàng hải	60	28	28	4
MH 32	Tiếng Anh chuyên ngành	150	100	40	10
MH 33	Lý thuyết tàu	60	56	0	4
MĐ 34	Thủy nghiệp 2 (hỗ trợ điều động)	120	40	72	8
MĐ 35	Công nghệ sửa chữa tàu	110	15	88	7
MĐ 36	Tập lái mô phỏng	150	0	140	10
MĐ 37	Tin học hàng hải	60	15	41	4

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc các Cơ sở dạy nghề có thể xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Nội dung tổng quát của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã được nêu trong phần phụ lục; sau khi lựa chọn xong danh mục, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn.

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn với tổng số 635 giờ, theo bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Vận tải đường thủy nội địa 2	60	33	23	4
MH 27	Vô tuyến điện	30	18	10	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Tự động hóa điều khiển	30	18	10	2
MH 29	Thủy triều	30	18	10	2
MH 30	Máy tàu thủy	45	20	22	3
MH 31	Bảo hiểm hàng hải	60	28	28	4
MĐ 34	Thủy nghiệp 2 (hỗ trợ điều động)	120	40	72	8
MĐ 35	Công nghệ sửa chữa tàu	110	15	88	7
MĐ 36	Tập lái mô phỏng	150	0	140	10
Tổng cộng		635	190	403	42

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút) Không quá 24h/học sinh Không quá 24h/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề cần bố trí cho học sinh đi tham quan một số công ty vận tải, một số xí nghiệp sửa chữa, một số công trình liên quan phù hợp với từng giai đoạn đào tạo, thời gian thăm quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Sau khi thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi quản lý;

- Căn cứ Chương trình khung, Cơ sở dạy nghề xây dựng và ban hành chương trình đào tạo của mình./.

Phụ lục 1B
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Điều khiển phương tiện thủy nội địa

Mã nghề: 50840101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo bắt buộc: 46

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:
 - + Nắm được kiến thức cơ bản về kết cấu phương tiện thủy, bố trí các trang thiết bị trên tàu và công dụng của chúng;
 - + Nắm vững nguyên lý điều khiển tàu thủy;
 - + Biết nguyên lý hoạt động của máy tàu và hệ thống điện tàu thủy, có thể vận hành máy khi cần thiết;
 - + Biết cách phán đoán, dự báo về thời tiết có ảnh hưởng đến hành trình của phương tiện thông qua các thông tin, các hiện tượng tự nhiên hoặc qua các thiết bị chuyên ngành;
 - + Nhận biết các loại phương tiện thủy nội địa;
 - + Hiểu các phương pháp đóng phương tiện, phân loại nguyên vật liệu sử dụng;
 - + Nắm vững Luật Giao thông đường thủy nội địa để xử lý đúng các tình huống trong quá trình điều khiển tàu;
 - + Nắm được phương pháp lắp ghép các đội hình phương tiện vận tải;
 - + Nắm vững độ sâu mực nước, chiều cao của các cấu trúc thượng tầng để tính toán an toàn;
 - + Biết cách xác định vị trí và kiểm soát tuyến đi bằng kiến thức địa dư đã học; nắm vững đặc điểm của các tuyến luồng, bến cảng chính để điều khiển tàu an toàn;
 - + Nắm vững những quy định về vận chuyển hàng hóa và hành khách, nhận biết các loại hàng hóa biết các đặc tính của chúng; biết các phương pháp, thủ tục giao

nhận hàng hóa; bảo đảm an toàn cho hàng hóa và hành khách trong quá trình vận chuyển;

+ Có các kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học để có thể tự học tập nâng cao trình độ, qua đó tiếp thu được các kiến thức về khoa học, công nghệ mới qua tài liệu sách báo và các thông tin trên internet, có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh phục vụ cho chuyên ngành;

+ Biết sử dụng hải đồ để xác định hướng đi, trên các tuyến ven biển;

+ Biết sử dụng các thiết bị hàng hải để điều động tàu trong các tình huống đảm bảo an toàn;

+ Nắm vững các kiến thức cơ bản và các quy định về chuyên chở một số loại hàng đặc biệt;

+ Nắm vững Luật Hàng hải có liên quan phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp;

+ Có các kiến thức tổng hợp, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động của một quá trình sản xuất trên một tuyến vận tải được giao.

- Kỹ năng:

Làm được các công việc của thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhất, cụ thể:

+ Thành thạo việc chèo xuồng, làm dây, bảo dưỡng tàu;

+ Sử dụng được các trang, thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu đắm và biết phương pháp cứu người ngã xuống nước;

+ Thành thạo và hướng dẫn cho thủy thủ các nút dây, đầu cáp, đầu dây, lắp ráp và sử dụng các loại ròng rọc, puly, tời;

+ Thực hiện công việc vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng phương tiện và các trang thiết bị về dây, cáp, tời, hệ thống truyền động;

+ Đo dò luồng lạch;

+ Đo mớn nước phương tiện;

+ Chỉ huy mọi người trên phương tiện để xử lý khi phương tiện có tình huống khẩn cấp, nguy cơ mất an toàn hoặc bị tai nạn;

+ Chủ động thực hiện tốt các công việc chuẩn bị cho một chuyến hành trình của phương tiện;

+ Điều động tàu an toàn khi ra vào bến, neo đậu và hành trình trong mọi tình huống;

- + Sử dụng được các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu, công tác tìm kiếm cứu nạn;
 - + Thực hiện tốt quy định về an toàn và bảo vệ môi trường đường thủy nội địa;
 - + Thực hiện đầy đủ các công việc liên quan hợp đồng vận tải;
 - + Lập được các kế hoạch về kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị trên boong, hệ thống lái, các thiết bị cấp cứu; vệ sinh và bảo dưỡng vỏ phương tiện;
 - + Lập kế hoạch và tổ chức một chuyến đi an toàn hiệu quả cho loại phương tiện được điều khiển theo quy định;
 - + Thao tác được các đường tàu chạy và dẫn dắt tàu bằng các thiết bị hàng hải, trên các tuyến ven biển;
 - + Sử dụng thành thạo các máy móc, thiết bị hàng hải trên tàu: radar, máy định vị GPS, la bàn từ, máy đo sâu, tốc độ kế và các trang thiết bị khác để điều động tàu trong các tình huống đảm bảo an toàn;
 - + Thành thạo trong việc xử lý thể cân bằng của tàu khi chuyên chở một số loại hàng đặc biệt;
 - + Viết được các văn bản liên quan đến hoạt động của phương tiện, của thuyền viên;
 - + Giao tiếp đơn giản trong chuyên ngành bằng tiếng Anh;
 - + Báo cáo kết quả hoạt động của một quá trình sản xuất trên một tuyến vận tải được giao.
2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:
- Chính trị, đạo đức:
 - + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - + Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
 - + Có tư tưởng chính trị vững vàng, lập trường kiên định, có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc, hiểu biết và trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, nắm vững vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam;
 - + Hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân, nghiêm chỉnh chấp hành Pháp luật của Nhà nước, có ý thức phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh;

+ Có tính độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân cao, có khả năng phối hợp công việc, có lòng say mê nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có ý chí cao, có tính tập thể và tinh thần vượt khó.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Biết bơi và làm việc được trong điều kiện sóng gió, thường xuyên luyện tập để có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong ngành;

+ Nắm được những kiến thức và thao tác cơ bản về điều lệnh và các loại vũ khí thông thường; có tinh thần cảnh giác và sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm:

Khi tốt nghiệp ra trường sinh viên làm việc ở các vị trí sau:

- Thủy thủ trên các phương tiện thủy nội địa;
- Người lái phương tiện trên các phương tiện thủy nội địa;
- Thuyền phó hoặc Thuyền trưởng ở các phương tiện: chở khách trên 100 người, chở hàng trên 500 tấn, đoàn lái trên 1000 tấn, tàu công tác trên 400 mã lực;
- Cán sự của phòng điều độ vận tải;
- Đội phó hoặc Đội trưởng đội tàu tại các công ty, xí nghiệp; doanh nghiệp vận tải đường thủy nội địa.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 03 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3845 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 322 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp 60 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3395 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2555 giờ; Thời gian học tự chọn: 840 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1128 giờ; Thời gian học thực hành: 2267 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2555	673	1705	177
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	195	127	55	13
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	18	10	2
MH 08	Điện tàu thủy	45	27	15	3
MH 09	Cấu trúc tàu	60	41	15	4
MH 10	Luồng chạy tàu	60	41	15	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2360	546	1650	164
MH 11	Khí tượng, thủy văn	45	27	15	3
MH 12	Luật Giao thông đường thủy nội địa 1	45	37	5	3
MH 13	Luật Giao thông đường thủy nội địa 2	45	37	5	3
MH 14	Địa văn hàng hải	70	30	36	4
MH 15	Vận tải đường thủy nội địa 1	30	18	10	2
MH 16	Vận tải đường thủy nội địa 2	60	33	23	4
MH 17	Nghiệp vụ thuyền trưởng	30	24	4	2
MH 18	Trực ca	30	18	10	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 19	Môi trường đường thủy	40	28	10	2
MH 20	Nguyên lý điều khiển tàu thủy	30	27	1	2
MĐ 21	An toàn cơ bản	120	40	72	8
MĐ 22	Sơ cứu	40	10	28	2
MĐ 23	Kỹ thuật bơi lặn	80	10	66	4
MĐ 24	Thủy nghiệp 1 (làm dây)	160	40	108	12
MĐ 25	Thiết bị trên boong	80	20	54	6
MĐ 26	Bảo quản vỏ tàu	80	10	64	6
MĐ 27	Điều động tàu 1	240	30	194	16
MĐ 28	Điều động tàu 2	285	17	249	19
MĐ 29	Điều động tàu 3	150	30	108	12
MĐ 30	Thiết bị hàng hải 1	110	30	72	8
MĐ 31	Thiết bị hàng hải 2	110	30	72	8
MĐ 32	Thực tập I	240	0	222	18
MĐ 33	Thực tập II	240	0	222	18
Tổng cộng		3005	893	1905	207

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Vận tải đường thủy nội địa 3	60	36	20	4
MH 35	Vô tuyến điện	30	18	10	2
MH 36	Tự động hóa điều khiển	30	18	10	2
MH 37	Thủy triều	30	18	10	2
MH 38	Máy tàu thủy	45	20	22	3
MH 39	Bảo hiểm hàng hải	60	28	28	4
MH 40	Tiếng Anh chuyên ngành	150	100	40	10
MH 41	Thiên văn hàng hải	70	34	30	6
MH 42	Luật Hàng hải	45	27	15	3
MH 43	Toán hàng hải ứng dụng	30	15	13	2
MH 44	Thông hiệu hàng hải	60	20	36	4
MH 45	Địa lý hàng hải	30	28	0	2
MH 46	Thông tin liên lạc hàng hải	45	27	15	3
MH 47	Lý thuyết tàu	60	56	0	4
MĐ 48	Thủy nghiệp 2 (hỗ trợ ĐĐ)	120	40	72	8
MĐ 49	Công nghệ sửa chữa tàu	110	15	88	7
MĐ 50	Tin học hàng hải	60	15	41	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc các Cơ sở dạy nghề có thể xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Nội dung tổng quát của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã được nêu trong phần phụ lục; sau khi lựa chọn xong danh mục các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn;

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn với tổng số 840 giờ, theo bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 34	Vận tải đường thủy nội địa 3	60	36	20	4
MH 35	Vô tuyến điện	30	18	10	2
MH 36	Tự động hóa điều khiển	30	18	10	2
MH 37	Thủy triều	30	18	10	2
MH 38	Máy tàu thủy	45	20	22	3
MH 39	Bảo hiểm hàng hải	60	28	28	4
MH 40	Tiếng Anh chuyên ngành	150	100	40	10
MH 41	Thiên văn hàng hải	70	36	30	4
MH 42	Luật Hàng hải	45	27	15	3
MH 43	Toán hàng hải ứng dụng	30	15	13	2
MH 44	Thông hiệu hàng hải	60	20	36	4
MĐ 45	Thủy nghiệp 2 (hỗ trợ ĐĐ)	120	40	72	8
MĐ 46	Công nghệ sửa chữa tàu	110	15	88	7
Tổng cộng		840	391	394	55

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: + Lý thuyết tổng hợp + Chuyên đề - Thực hành nghề: (Thực hành điều động tàu) - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bảo vệ Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút) Không quá 60 phút/1 nhóm Không quá 24h/sinh viên Không quá 24h/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề cần bố trí cho sinh viên đi tham quan một số công ty vận tải, một số xí nghiệp sửa chữa, một số công trình liên quan phù hợp với từng giai đoạn đào tạo, thời gian thăm quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Sau khi thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi quản lý;

- Căn cứ Chương trình khung, Cơ sở dạy nghề xây dựng và ban hành chương trình đào tạo của mình./.

Phụ lục 2**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
“LÁI TÀU ĐƯỜNG SẮT”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Phụ lục 2A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Lái tàu đường sắt

Mã nghề: 40840401

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Nêu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống và thiết bị chính trên một số loại đầu máy thông dụng;

+ Phân tích được một số bản vẽ cấu tạo đầu máy;

+ Nêu được đầy đủ các bước kiểm tra đối với mỗi loại đầu máy;

+ Nêu được nội dung Luật Giao thông đường sắt; Quy trình tác nghiệp ban lái tàu; Quy trình tín hiệu đường sắt; Quy trình chạy tàu và công tác dồn; Quy phạm khai thác kỹ thuật đường sắt;

+ Nắm được các phương pháp và kỹ thuật lái tàu;

+ Mô tả được các quy trình bảo dưỡng sửa chữa đối với từng loại đầu máy.

- Kỹ năng:

- + Đọc được bản vẽ kỹ thuật cơ khí: bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp;
- + Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chỉnh bị đầu máy theo đúng quy trình;
- + Phát hiện và khắc phục được các sai sót kỹ thuật khi kiểm tra đầu máy, các hư hỏng phát sinh khi đầu máy đang vận hành;
- + Bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đầu máy tốt;
- + Thao tác lái tàu thành thạo; chấp hành đúng các quy phạm, quy trình chạy tàu và các công lệnh, chỉ thị về chạy tàu.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- + Trung thực trong học tập và kiểm tra;
- + Có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng nhiên liệu, đảm bảo thời gian chạy tàu;
- + Luôn giữ gìn và sử dụng đúng các dụng cụ thiết bị đo kiểm tra;
- + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp;
- + Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ;
- + Luôn hợp tác và tuân thủ sự phân công trong học tập, lao động, thực hành;
- + Có tinh thần khiêm tốn, giúp đỡ người khác;
- + Có tinh thần trách nhiệm cao, biết hỗ trợ nhau trong công việc;
- + Tôn trọng Pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có đủ sức khỏe làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề;
- + Vững vàng kiến thức cơ bản và tham gia hoạt động quân sự phổ thông, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, học sinh có cơ hội làm việc tại:

- Các đội lái máy của Phân xưởng vận dụng của Xí nghiệp đầu máy;
- Các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy,

- Phụ lái trên tàu;
- Làm thợ sửa chữa trong Phân xưởng sửa chữa đầu máy của Xí nghiệp đầu máy, nhà máy.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:
 - Thời gian đào tạo: 2 năm
 - Thời gian học tập: 90 tuần
 - Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
 - Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ).
2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:
 - Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
 - Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 1870 giờ; Thời gian học tự chọn: 470 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 825 giờ; Thời gian học thực hành: 1515 giờ.
3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

9586340

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1870	528	1303	39
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	90	70	14	6
MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	45	30	12	3
MH 08	Kỹ thuật điện	45	40	2	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1780	458	1289	33
MĐ 09	Động cơ điêzen trên đầu máy	140	45	92	3
MĐ 10	Truyền động thủy lực và bộ đảo chiều	80	30	47	3
MĐ 11	Bộ phận chạy đầu máy	80	30	47	3
MĐ 12	Truyền động điện và điện đầu máy	160	60	96	4
MĐ 13	Hãm đầu máy	120	40	78	2
MH 14	Tổ chức vận dụng đầu máy	30	26	2	2
MH 15	Nhiên liệu và vật liệu bôi trơn	30	26	2	2
MH 16	Kỹ thuật lái máy	60	45	13	2
MH 17	Pháp luật về đường sắt	120	102	14	4
MĐ 18	Bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy	100	30	68	2
MĐ 19	Thực tập sửa chữa	260	8	250	2
MĐ 20	Thực tập lái tàu	600	16	580	4
Tổng cộng		2080	634	1390	56

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Nguội cơ bản	120	8	89	3
MH 22	Rèn cơ bản	40	8	30	2
MH 23	Kỹ thuật số	30	25	3	2
MH 24	Vật liệu và công nghệ cơ khí	30	26	2	2
MĐ 25	Cơ kỹ thuật	40	36	2	2
MH 26	Kỹ thuật an toàn	30	25	3	2
MH 27	Đường sắt thường thức	30	26	2	2
MH 28	Linh kiện điện tử	30	25	3	2
MĐ 29	Thực tập lái tàu cơ bản	120	8	110	2
MH 30	Vật liệu điện	30	26	2	2
MH 31	Điện tử công nghiệp	45	40	2	3
MH 32	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	30	25	3	2
MĐ 33	Bảo dưỡng sửa chữa cơ bản	80	24	54	2

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và cơ sở vật chất của từng Cơ sở dạy nghề để chọn các môn học mô đun tự chọn đưa vào chương trình đào tạo cho phù hợp;

- Giáo viên khi thiết kế bài giảng chi tiết từng môn học, mô đun đào tạo nghề phải căn cứ vào:

- + Đề cương chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc;
- + Mục tiêu của từng chương, từng bài học;
- + Các tài liệu tham khảo.

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Nguội cơ bản	120	15	100	5
MH 22	Rèn cơ bản	40	8	30	2
MH 23	Kỹ thuật số	30	25	3	2
MH 24	Vật liệu và công nghệ cơ khí	30	25	5	3
MĐ 25	Cơ kỹ thuật	40	34	2	4
MH 26	Kỹ thuật an toàn	30	25	3	2
MH 27	Đường sắt thường thức	30	26	2	2
MH 28	Linh kiện điện tử	30	25	3	2
MĐ 29	Thực tập lái tàu cơ bản	120	8	110	2
	Tổng	470	191	258	24

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung trình độ trung cấp nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: + Pháp luật về đường sắt + Cấu tạo đầu máy + Hãm - Lái tàu - Thực hành nghề: + Bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy + Lái đầu máy - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 học sinh) Không quá 24 giờ/học sinh Không quá 24 giờ/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Cho học sinh tham quan các cơ sở vận dụng, bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy vào cuối học kỳ I, học kỳ II năm thứ hai;

- Trước khi thi tốt nghiệp cho học sinh đi kiến tập, tìm hiểu thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy tại Nhà máy, Xí nghiệp đầu máy, học sinh được thực tập lái tàu để hỗ trợ việc hệ thống hóa lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng tay nghề thực hành nghề;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 2B
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Lái tàu đường sắt

Mã nghề: 50840401

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống và thiết bị trên các loại đầu máy;

+ Phân tích được các bản vẽ cấu tạo đầu máy; cách thức lập bản vẽ phác, bản vẽ tách chi tiết;

+ Nêu được đầy đủ các bước kiểm tra đối với mỗi loại đầu máy;

+ Nêu được nội dung: Luật Giao thông đường sắt, Quy trình tác nghiệp, Ban lái tàu, Quy trình tín hiệu đường sắt, Quy trình chạy tàu và công tác dồn, Quy phạm khai thác kỹ thuật đường sắt. Các thông tư, chỉ thị phục vụ chạy tàu;

+ Nắm được các phương pháp và kỹ thuật lái tàu;

+ Tính toán được hãm đoàn tàu, phương trình chuyển động của đoàn tàu;

+ Nắm vững các quy trình bảo dưỡng sửa chữa đối với từng loại đầu máy;

+ Chỉ ra được các bước của quy trình bảo dưỡng đầu máy.

- Kỹ năng:

+ Đọc, vẽ được bản vẽ kỹ thuật cơ khí: bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp;

+ Lập được bản vẽ phác, bản vẽ tách chi tiết;

+ Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chỉnh bị đầu máy theo đúng quy trình;

+ Phát hiện và khắc phục được các sai sót kỹ thuật khi kiểm tra đầu máy, các hư hỏng phát sinh khi đầu máy đang vận hành;

- + Quản lý, bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng đầu máy tốt;
- + Thao tác lái tàu thành thạo; chấp hành đúng các quy phạm, quy trình chạy tàu và các công lệnh, chỉ thị về chạy tàu;
- + Tổ chức và hướng dẫn được Đội lái máy, tổ lái máy thực hiện công việc đảm bảo kỹ thuật, an toàn lao động.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - + Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
 - + Trung thực trong học tập và kiểm tra;
 - + Có tính kiên trì, cẩn thận;
 - + Có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng nhiên liệu, đảm bảo thời gian chạy tàu;
 - + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp;
 - + Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ;
 - + Luôn hợp tác và tuân thủ sự phân công trong học tập, lao động, thực hành;
 - + Có tinh thần khiêm tốn giúp đỡ người khác;
 - + Có tinh thần trách nhiệm cao, biết hỗ trợ nhau trong công việc;
- Thể chất và quốc phòng:
 - + Có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài theo yêu cầu của nghề;
 - + Vững vàng kiến thức cơ bản và tham gia hoạt động quân sự phổ thông, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội làm việc tại Phân xưởng vận dụng đầu máy, Phân xưởng sửa chữa của Xí nghiệp đầu máy, các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy, với chức danh Lái tàu hoặc sửa chữa đầu máy.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2635 giờ; Thời gian học tự chọn: 665 giờ.
- + Thời gian học lý thuyết: 1062 giờ; Thời gian học thực hành: 1573 giờ.

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2630	788	1772	70
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	330	276	33	21
MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	60	54	2	4
MH 08	Cơ lý thuyết	45	38	4	3
MH 09	Vật liệu và công nghệ cơ khí	60	52	4	4
MH 10	Điện kỹ thuật	45	40	2	3
MH 11	Điện tử công nghiệp	45	40	2	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 12	Cơ sở thiết kế chi tiết trên máy vi tính	30	12	16	2
MH 13	Kỹ thuật số	45	40	3	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2300	512	1739	49
MĐ 14	Động cơ diesel trên đầu máy	200	60	135	5
MĐ 15	Bộ truyền động thủy lực và đảo chiều	80	30	47	3
MĐ 16	Bộ phận chạy	80	30	47	3
MĐ 17	Truyền động điện và điện đầu máy	210	50	155	5
MĐ 18	Bảo dưỡng sửa chữa đầu máy	150	40	106	4
MĐ 19	Hãm đầu máy	150	45	100	5
MH 20	Tổ chức vận dụng đầu máy	30	26	2	2
MH 21	Kỹ thuật lái tàu	90	70	14	6
MH 22	Pháp luật về đường sắt	150	126	15	9
MĐ 23	Thực tập chữa đầu máy	320	15	303	2
MĐ 24	Thực tập Lái máy	840	20	815	5
Tổng cộng		3080	1008	1972	100

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Tùy theo nhu cầu của địa phương hoặc môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun gợi ý sau:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Sửa chữa cơ khí cơ bản	120	36	81	3
MH 26	Nguội cơ bản	120	15	100	5
MĐ 27	Rèn cơ bản	40	9	29	2
MH 28	Kỹ thuật an toàn	30	25	3	2
MH 29	Đường sắt thường thức	30	26	2	2
MH 30	Nhiên liệu và vật liệu bôi trơn	30	26	2	2
MH 31	Tổ chức quản lý sản xuất	30	26	2	2
MĐ 32	Kỹ thuật lái đầu máy cơ bản	120	28	76	16
MH 33	Kỹ thuật xung	30	28	0	2
MH 34	Vật liệu điện	30	26	2	2
MH 35	Linh kiện điện tử	30	25	3	2
MH 36	Sức bền vật liệu	45	39	4	2
MH 37	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	30	25	3	2
MĐ 38	Đo lường điện	45	12	31	2
MĐ 39	Thử nghiệm đầu máy	55	15	37	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và cơ sở vật chất của từng Cơ sở dạy nghề để chọn các môn học mô đun tự chọn đưa vào chương trình đào tạo cho phù hợp.

- Giáo viên khi thiết kế bài giảng chi tiết từng môn học, mô đun đào tạo nghề phải căn cứ vào:

- + Đề cương chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc;
- + Mục tiêu của từng chương, từng bài học;
- + Các tài liệu tham khảo.

- Ví dụ: Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 25	Sửa chữa cơ khí cơ bản	120	36	81	3
MH 26	Nguội cơ bản	120	15	100	5
MĐ 27	Rèn cơ bản	40	9	29	2
MH 28	Kỹ thuật an toàn	30	25	3	2
MH 29	Đường sắt thường thức	30	26	2	2
MH 30	Nhiên liệu và vật liệu bôi trơn	30	26	2	2
MH 31	Tổ chức quản lý sản xuất	30	26	2	2
MĐ 32	Kỹ thuật phụ lái đầu máy cơ bản	120	28	76	16
MH 36	Sức bền vật liệu	45	39	4	2
MĐ 38	Đo lường điện	45	12	31	2
MĐ 39	Thử nghiệm đầu máy	55	15	37	3
Tổng cộng		665	257	367	41

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung cao đẳng nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một sinh viên không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: + Pháp luật về đường sắt + Cấu tạo đầu máy + Hãm - Lái tàu - Thực hành nghề: + Kỹ thuật khám máy + Kỹ thuật lái máy - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút cho 1 sinh viên) Không quá 24h/sinh viên Không quá 24/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Cho sinh viên tham quan các cơ sở vận dụng, bảo dưỡng, sửa chữa đầu máy vào cuối học kỳ I, học kỳ II năm thứ II;

- Trong thời gian học, sinh viên được đi thực tập, tìm hiểu các thiết bị bảo dưỡng sửa chữa đầu máy tại Xí nghiệp đầu máy, cơ sở sản xuất. Sinh viên được thực tập Lái tàu để hệ thống hóa lại các kiến thức đã học và rèn luyện kỹ năng tay nghề;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

Khi các trường lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của trường mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 3**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ “BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 3A**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ**

Tên nghề: Bảo đảm an toàn hàng hải

Mã nghề: 40840106

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Có được những kiến thức cơ bản về Pháp luật; Kinh tế; Ngoại ngữ; Tin học;
- + Nêu lên được các biện pháp kỹ thuật khảo sát, đo đạc khảo sát thủy;
- + Trình bày được việc khảo sát, thi công các công trình cải tạo đường sông, đảm bảo an toàn đường thủy, phao tiêu báo hiệu luồng lạch, kênh chạy tàu;
- + Phân biệt được thành lập bản đồ địa hình ven bờ, trên sông và biển;
- + Hiểu được các nguyên lý sinh thái học cơ bản duy trì sự tồn tại và phát triển của hệ thống sinh thái và các dạng ô nhiễm do hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.

- Kỹ năng:

- + Đo đạc địa hình mặt đất, đáy biển;

- + Đo đạc thủy văn;
- + Lập các biện pháp kỹ thuật khảo sát, đo đạc khảo sát thủy;
- + Thi công tuyến luồng và các công trình đường thủy;
- + Thực hiện được công tác bảo vệ môi trường biển;
- + Tổ chức tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ;
- + Phối kết hợp với các phòng ban chức năng có liên quan;
- + Vận dụng những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện, tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công tác của mình.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- + Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa Xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;
- + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;
- + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục; Điền kinh; Bóng chuyền;
- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc;

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp học sinh có khả năng trực tiếp làm việc tại:

- + Doanh nghiệp xây dựng thủy;
- + Công ty an toàn đường thủy và hàng hải;
- + Công ty tư vấn xây dựng thủy;
- + Cơ quan quản lý về hàng hải, đường thủy;
- + Cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ và đào tạo trong lĩnh vực an toàn đường thủy.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 40 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1755 giờ; Thời gian học tự chọn: 585 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 627 giờ; Thời gian học thực hành: 1713 giờ.

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	210	107	90	13
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	29	15	1
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	26	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	1755	371	1308	76
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	300	125	155	20
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	12	16	2
MH 08	Cơ học	60	22	34	4
MH 09	An toàn lao động	60	27	29	4
MH 10	Lý thuyết tàu	30	14	14	2
MĐ 11	Kỹ thuật lắp đặt điện	60	24	32	4
MH 12	Lý thuyết bình sai	60	26	30	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1455	246	1153	56
MĐ 13	Trắc địa 1	100	36	58	6
MĐ 14	Khí tượng thủy hải văn	100	48	46	6
MĐ 15	Điều động tàu 1	100	34	60	6
MĐ 16	Thành lập bản đồ địa hình dưới nước	60	22	34	4
MH 17	Công trình báo hiệu đường thủy	75	27	42	6
MH 18	Thực tập thủy văn	100	0	92	8
MĐ 19	Thiết kế luồng tàu và hệ thống báo hiệu	80	31	45	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Tin học ứng dụng	60	17	39	4
MĐ 21	Thiết kế công trình đường thủy	80	31	45	4
MĐ 22	Thực tập trắc địa	140	0	132	8
MĐ 23	Thực tập tốt nghiệp	560	0	560	0
	Tổng cộng	1965	478	1398	89

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Chương trình chi tiết của môn học bắt buộc đã được xây dựng cụ thể, chi tiết trong chương trình khung đến từng chương, mục, từng học kỳ của từng môn học. Các Cơ sở dạy nghề có đào tạo nghề Bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ vào chương trình này để thực hiện kế hoạch giảng dạy theo chương trình.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định:

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 70 đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15 đến 30%.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Luật Hàng hải	45	16	25	4
MH 25	Máy tàu thủy	30	15	13	2
MH 26	Sức bền vật liệu	60	20	36	4
MH 27	Máy vô tuyến điện hàng hải	45	25	16	4
MH 28	Máy điện hàng hải	60	23	33	4
MH 29	Hình họa	45	16	25	4
MH 30	Thủy lực	60	20	36	4
MH 31	Đo lường điện	45	25	16	4
MH 32	Tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ	30	20	8	2
MH 33	Vật liệu xây dựng	45	28	13	4
MH 34	Kết cấu bê tông cốt thép	60	27	29	4
MH 35	Bảo vệ môi trường biển	30	15	13	2
MH 36	Cơ học đất, nền và móng	75	32	37	6
MH 37	Tiếng Anh chuyên ngành	75	25	44	6
MH 38	Động lực học sông biển	60	25	31	4
MH 39	Khu nước cảng sông, cảng biển và công trình bảo vệ cảng	60	23	33	4

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 11 môn với tổng thời gian học là 585 giờ, trong đó 256 giờ lý thuyết và 329 giờ thực hành;
- Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 24	Hình họa	45	16	25	4
MH 25	Thủy lực	60	20	36	4
MH 26	Đo lường điện	45	25	16	4
MH 27	Tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ	30	20	8	2
MH 28	Vật liệu xây dựng	45	28	13	4
MH 29	Kết cấu bê tông cốt thép	60	27	29	4
MH 30	Bảo vệ môi trường biển	30	15	13	2
MH 31	Cơ học đất, nền và móng	75	32	37	6
MH 32	Anh văn chuyên ngành	75	25	44	6
MH 33	Động lực học sông biển	60	25	31	4
MH 34	Khu nước cảng sông, cảng biển và công trình bảo vệ cảng	60	23	33	4
Tổng cộng		585	256	285	44

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất, năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học);

- Về thời lượng của từng môn học, các Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu;

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền;

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn môn học, mô đun không nằm trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong Chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, người đứng đầu Cơ sở dạy nghề tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Trắc địa; Khí tượng thủy hải văn;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập lưới khống chế một khu vực; Cách tính toán thủy triều, sóng và mực nước trên biển;

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút) Không quá 24h/học sinh Không quá 24h/học sinh

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học; các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoài khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoài khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Sau khi thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi quản lý;

- Căn cứ Chương trình khung, Cơ sở dạy nghề xây dựng và ban hành chương trình đào tạo của mình;

- Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập (Thực tập tốt nghiệp):

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

Phụ lục 3B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Bảo đảm an toàn hàng hải

Mã nghề: 50840106

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về Pháp luật; Kinh tế; Ngoại ngữ và Tin học;

+ Nêu lên được các biện pháp kỹ thuật khảo sát, đo đạc khảo sát thủy;

+ Trình bày được việc quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thi công, khai thác và quản lý các công trình cải tạo đường sông, đảm bảo an toàn đường thủy, phao tiêu báo hiệu luồng lạch, kênh chạy tàu;

+ Trình bày được công tác lập luận chứng kinh tế kỹ thuật xây dựng mạng lưới giao thông đường thủy;

+ Phân biệt được thành lập bản đồ địa hình ven bờ, trên sông và biển;

+ Mô tả được công tác khảo sát địa chất đáy sông, đáy biển và các công trình xa bờ;

+ Hiểu được các nguyên lý sinh thái học cơ bản duy trì sự tồn tại và phát triển của hệ thống sinh thái; các dạng ô nhiễm do hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.

- Kỹ năng:

+ Đo đạc địa hình mặt đất, đáy biển;

+ Đo đạc thủy văn;

+ Khảo sát địa chất đáy sông, đáy biển;

- + Tổ chức, quản lý, lập các biện pháp kỹ thuật khảo sát, đo đạc khảo sát thủy;
- + Thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý tuyến luồng và các công trình đường thủy;
- + Thực hiện được công tác bảo vệ môi trường biển;
- + Tổ chức tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ;
- + Tổ chức và hướng dẫn được tổ, nhóm lao động thực hiện công việc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động;
- + Phối kết hợp với các phòng ban chức năng có liên quan;
- + Vận dụng những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện, tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công tác của mình.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
 - + Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;
 - + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
 - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;
 - + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất và quốc phòng:
 - + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục; Điền kinh; Bóng chuyền;
 - + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
 - + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng trực tiếp làm việc tại:

- + Doanh nghiệp xây dựng thủy;
- + Công ty an toàn đường thủy và hàng hải;
- + Công ty tư vấn xây dựng thủy;
- + Cơ quan quản lý về hàng hải, đường thủy;
- + Cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ và đào tạo trong lĩnh vực an toàn đường thủy.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm.
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp 40 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2580 giờ; Thời gian học tự chọn: 720 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 952 giờ; Thời gian học thực hành: 2348 giờ.

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2.580	647	1.817	116
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	510	193	281	36
MH 07	Toán cao cấp	90	30	54	6
MH 08	Vật lý	60	23	33	4
MH 09	Vẽ kỹ thuật	30	12	16	2
MH 10	Cơ học	60	22	34	4
MH 11	Luật Hàng hải	45	16	25	4
MH 12	Sức bền vật liệu	60	21	35	4
MH 13	An toàn lao động	60	26	30	4
MH 14	Lý thuyết tàu	45	17	24	4
MH 15	Lý thuyết bình sai	60	26	30	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2070	454	1536	80
MĐ 16	Trắc địa 1	120	36	78	6
MĐ 17	Khí tượng, thủy, hải văn	160	53	101	6
MĐ 18	Tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ 1	120	43	71	6
MĐ 19	Trắc địa 2	120	39	75	6
MĐ 20	Thành lập bản đồ địa hình dưới nước	80	28	46	6
MH 21	Công trình báo hiệu đường thủy	75	27	42	6
MH 22	Anh văn chuyên ngành	75	25	44	6
MĐ 23	Thiết kế luồng tàu và hệ thống báo hiệu	160	38	114	8

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Tin học ứng dụng	60	17	39	4
MĐ 25	Thiết kế công trình đường thủy	140	38	94	8
MĐ 26	Đo đạc biển	120	47	67	6
MĐ 27	Tìm kiếm cứu nạn và trục vớt cứu hộ 2	80	35	39	6
MĐ 28	Khảo sát địa chất đáy biển	120	28	86	6
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	640	0	64	0
	Tổng cộng	3030	867	2017	146

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm từ 20 đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 65 đến 75% và lý thuyết chiếm từ 25 đến 35%.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Luật Hàng hải	45	16	25	4
MH 31	Máy tàu thủy	30	15	13	2
MH 32	Sức bền vật liệu	60	20	36	4
MH 33	Máy vô tuyến điện hàng hải	45	25	16	4
MH 34	Máy điện hàng hải	60	23	33	4
MH 35	Hình họa	45	16	25	4
MH 36	Thủy lực	60	20	36	4
MH 37	Máy tàu thủy	30	13	15	2
MH 38	Vật liệu xây dựng	45	28	13	4
MH 39	Kết cấu bê tông cốt thép	60	27	29	4
MH 40	Bảo vệ môi trường biển	30	15	13	2
MH 41	Cơ học đất, nền và móng	75	34	35	6
MH 42	Động lực học sông biển	60	25	31	4
MH 43	Khu nước cảng sông, cảng biển và công trình bảo vệ cảng	60	23	33	4
MH 44	Máy vô tuyến điện hàng hải	45	25	16	4
MH 45	Máy điện hàng hải	60	23	33	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 46	Xây dựng công trình đường thủy và nạo vét	75	32	37	6
MH 47	Tổ chức và quản lý thi công	75	24	45	6

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 13 môn với tổng thời gian học là 720 giờ, trong đó 305 giờ lý thuyết và 415 giờ thực hành;

- Các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 30	Hình họa	45	16	25	4
MH 31	Thủy lực	60	20	36	4
MH 32	Máy tàu thủy	30	13	15	2
MH 33	Vật liệu xây dựng	45	28	13	4
MH 34	Kết cấu bê tông cốt thép	60	27	29	4
MH 35	Bảo vệ môi trường biển	30	15	13	2
MH 36	Cơ học đất, nền và móng	75	34	35	6
MH 37	Động lực học sông biển	60	25	31	4
MH 38	Khu nước cảng sông, cảng biển và công trình bảo vệ cảng	60	23	33	4
MH 39	Máy vô tuyến điện hàng hải	45	25	16	4
MH 40	Máy điện hàng hải	60	23	33	4
MH 41	Xây dựng công trình đường thủy và nạo vét	75	32	37	6
MH 42	Tổ chức và quản lý thi công	75	24	45	6
	Tổng cộng	720	305	361	54

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất, năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học);

- Về thời lượng của từng môn học, các Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu;

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền;

- Nếu Cơ sở dạy nghề chọn môn học, mô đun không nằm trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong Chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục III. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, người đứng đầu Cơ sở dạy nghề tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Thi môn chính trị: Được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian không quá 120 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian không quá 60 phút;

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề: gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết, trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 sinh viên là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm. Thời gian thi thực hành cho một học sinh không quá 24 giờ:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: - Thực hành nghề: - Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Viết, trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (Chuẩn bị 40 phút, vấn đáp không quá 20 phút) Không quá 24h/sinh viên Không quá 24h/sinh viên

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp;

- Nội dung và thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa có thể tham khảo bảng sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác:

- Sau khi thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi quản lý;

- Căn cứ vào chương trình khung, các Cơ sở dạy nghề xây dựng và ban hành chương trình đào tạo của mình;

- Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập (Thực tập tốt nghiệp):

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.